**NỘI QUY CẢNG BIỂN ĐÀ NẴNG**

*(ban hành kèm theo Quyết định số …/QĐ-CVHHĐN ngày …/…/2024 của Giám đốc Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng)*

**DỰ THẢO**

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nội quy này quy định cụ thể về hoạt động hàng hải tại vùng nước cảng biển Đà Nẵng trên cơ sở quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải (sau đây viết tắt là Nghị định số 58/2017/NĐ-CP) và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Vùng nước cảng biển Đà Nẵng được quy định tại Thông tư số 02/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là vùng nước cảng biển).

 **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nội quy này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài hoạt động tại vùng nước cảng biển.

 2. Các quy định về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại Nội quy này cũng được áp dụng đối với cảng quân sự, cảng cá và cảng, bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển.

**Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải và cơ quan quản lý chuyên ngành khác tại cảng biển Đà Nẵng**

1. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hàng hải tại vùng nước cảng biển là Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng:

a) Trụ sở chính:

- Địa chỉ: số 04 đường Đức Lợi 3, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

- Điện thoại: (0236)3823172; Di động: 088.8571.227

- Fax: (0236)3820372;

- E-mail: trucbancvdn@gmail.com

b) Đại diện Cảng vụ hàng hải tại Liên Chiểu:

- Địa chỉ: số 410, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

- Điện thoại: (0236)3737400; Di động: 088.8571.227

- Fax: (0236)3820372

- E-mail: trucbancvdn@gmail.com

2. Thông tin chi tiết cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển Đà Nẵng: chi tiết theo Phụ lục của Nội quy này.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Mục 1**

**THÔNG TIN LIÊN LẠC TẠI CẢNG BIỂN**

**Điều 4. Thông tin liên lạc**

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền liên lạc với Cảng vụ hàng hải theo quy định tại Điều 3 của Nội quy này.

2. Tàu thuyền sử dụng VHF thực hiện theo quy định dưới đây:

a) Tàu thuyền trang bị VHF theo quy định hoạt động tại cảng biển phải duy trì liên lạc với Cảng vụ hàng hải trên kênh VHF được chỉ định; trường hợp không được chỉ định, phải duy trì sự liên lạc trên kênh VHF như sau:

- Kênh VHF trực canh: kênh 16.

- Kênh làm việc: kênh 14 và kênh khác được chỉ định là kênh làm việc.

b) Tên tàu thuyền hoặc tên tổ chức, cá nhân chỉ được nêu không quá ba lần trong một lần gọi hoặc trả lời. Trên kênh trực chung, việc gọi và trả lời phải được tiến hành nhanh chóng và chuyển sang kênh làm việc ngay sau khi đã liên lạc với nhau.

c) Tàu thuyền, tổ chức, cá nhân không được làm ảnh hưởng tới hoạt động của Cảng vụ hàng hải và Hệ thống VTS trên kênh 16 và 14.

d) Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân, tàu thuyền thực hiện cuộc gọi thông thường trên kênh 16 trong thời gian có tín hiệu cấp cứu hoặc thông tin khẩn cấp phát trên kênh này.

3. Ngôn ngữ sử dụng khi liên lạc là tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

**Mục 2**

**THỦ TỤC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN**

**Điều 5. Yêu cầu chung đối với tàu thuyền đến cảng biển**

1. Tàu thuyền đến vùng nước cảng biển phải bảo đảm điều kiện theo quy định tại Điều 94 Bộ luật hàng hải Việt Nam và Mục 1, Chương IV của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, tàu thuyền đến vùng nước cảng biển phải có chiều dài, trọng tải, mớn nước, độ cao tĩnh không và thông số kỹ thuật liên quan khác phù hợp với điều kiện cho phép của luồng hàng hải, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu đã được cơ quan có thẩm quyền công bố. Trường hợp khác do Giám đốc Cảng vụ hàng hải xem xét, quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

**Điều 6. Thông báo, xác báo đến, rời cảng biển và điều động tàu thuyền**

1. Thông báo, xác báo tàu biển, tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB đến, rời vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 87, Điều 88 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tàu thuyền hành trình qua vùng nước cảng biển nhưng không dừng lại phải thông báo và chấp hành chỉ dẫn của Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải Đà Nẵng (sau đây viết tắt là Hệ thống VTS Đà Nẵng) theo quy định tại Quy chế tạm thời quản lý hoạt động của Hệ thống Giám sát và điều phối giao thông hàng hải Đà Nẵng (sau đây viết tắt là Quy chế VTS) chi tiết tại Phụ lục của Nội quy này.

3. Tàu thuyền điều động vào neo đậu tại các vị trí trong vùng nước cảng biển do Giám đốc Cảng vụ hàng hải chỉ định theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Quy chế VTS và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 7. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và đến, rời cảng biển**

1. Thủ tục cho tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và đến, rời cảng biển thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Thủ tục phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Thủ tục đối với tàu thuyền nước ngoài hoạt động đặc thù thực hiện theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

4. Thủ tục điện tử đối với tàu thuyền thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải, Quyết định số 34/2016/QĐ-TTg ngày 23/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định thủ tục điện tử đối với tàu thuyền vào, rời cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng dầu khí ngoài khơi thông qua Cơ chế một cửa quốc gia và quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Địa điểm làm thủ tục tàu thuyền: trừ trường hợp làm thủ tục tại tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 77 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, việc làm thủ tục tàu thuyền hoạt động tại cảng biển Đà Nẵng được thực hiện như sau:

a) Đối với phương tiện thủy nội địa và thủ tục quy định tại Điều 8 Nội quy này:

- Tại trụ sở Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng;

- Đại diện Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng tại Liên Chiểu.

b) Thủ tục điện tử với tàu thuyền thực hiện thông qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến tàu thuyền vào, rời cảng biển tại trang thông tin điện tử: https://hanghai.mt.gov.vn/.

**Điều 8. Thủ tục đối với hoạt động hàng hải khác tại cảng biển**

1. Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải: trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
2. Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn giao thông: trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.
3. Thủ tục tiến hành hoạt động lặn hoặc công việc ngầm dưới nước: trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
4. Thủ tục tàu thuyền thi công công trình hàng hải, nạo vét luồng, khai thác cát hoặc cần cẩu nổi và thiết bị công trình khác: trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
5. Thủ tục sửa chữa, vệ sinh tàu thuyền: trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại khoản 9 Điều 113 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
6. Thủ tục tháo bỏ niêm phong kẹp chì tại van, thiết bị của tàu thuyền mà chất độc hại có thể thoát ra ngoài hoặc bơm thải chất thải, nước bẩn qua van hoặc thiết bị của tàu thuyền: trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 118 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
7. Thủ tục chạy thử tàu: trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
8. Thủ tục neo chờ: trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
9. Thủ tục trình kháng nghị hàng hải: trình tự, thời hạn thủ tục theo quy định tại Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT ngày 28/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải.
10. Thủ tục thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển: trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển và Thông tư số 03/2024/TT-BGTVT ngày 21/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo [Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Bo-Luat-quoc-te-ISPS-ve-an-ninh-tau-va-ben-cang-va-bo-sung-sua-doi-2002-cua-Solas-287990.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank).
11. Thủ tục phê duyệt phương án thăm dò, phương án trục vớt tài sản chìm đắm gây nguy hiểm xác định được chủ tài sản chìm đắm trong vùng nước cảng biển: trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.
12. Thủ tục đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy nội địa: trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30/7/2013 của Bộ Giao thông vận tải; Thông tư số 24/2022/TT-BGTVT ngày 13/10/2022 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam; Thông tư số [08/2022/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-08-2022-tt-bgtvt-sua-doi-thong-tu-kinh-doanh-linh-vuc-hang-hai-517486.aspx) ngày 16/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.
13. Thủ tục phê duyệt Phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng của phương tiện thủy nội địa: trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 61/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hàng hóa trên đường thủy nội địa.

**Mục 3**

**HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN**

**Điều 9. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải**

1. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải được thể hiện dưới hình thức sau:

a) Kế hoạch điều động tàu thuyền;

b) Lệnh điều động;

c) Giấy phép chạy thử tàu;

d) Giấy phép rời cảng;

đ) Giấy phép vào, rời cảng, bến (đối với phương tiện thủy nội địa);

e) Lệnh điều động trực tiếp qua VHF, điện thoại trong trường hợp khẩn cấp.

2. Sau khi nhận được lệnh điều động, nếu không thể thực hiện, thuyền trưởng hoặc đại diện có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải và nêu rõ lý do để kịp thời xử lý.

3. Kế hoạch điều động tàu thuyền hàng ngày được Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng cập nhật tại trang thông tin điện tử: https://cangvuhanghaidanang.gov.vn.

**Điều 10. Hành trình của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển**

1. Tàu thuyền khi hành trình trong vùng nước cảng biển phải chấp hành quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định việc áp dụng Quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển và quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Tốc độ hành trình trên luồng:

- Đoạn từ phao 0 đến phao 4: không quá 08 hải lý/giờ;

- Đoạn từ phao 4 đến phao 19: không quá 05 hải lý/giờ.

Việc hạn chế tốc độ quy định tại khoản này không áp dụng đối với các tàu làm nhiệm vụ như tàu công vụ, tàu phục vụ hoạt động tìm kiếm cứu nạn, tàu phục vụ mục đích chữa cháy.

Trừ trường hợp điều động để tránh nguy cơ đâm va trước mắt, tàu thuyền hành trình trong vùng nước cảng biển phải tuân thủ quy định tại khoản này.

3. Trường hợp tàu thuyền không thể hành trình theo quy định tại Điều này do yếu tố kỹ thuật (như mớn nước, tính năng điều động, khí tượng thủy văn và yếu tố khác) mật độ tàu thuyền lưu thông lớn hoặc tránh bão, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống thiên tai và trường hợp khác để bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, Giám đốc Cảng vụ hàng hải sẽ xem xét, quyết định cho phép hành trình căn cứ đề xuất của thuyền trưởng và ý kiến của tổ chức hoa tiêu.

**Điều 11.** **Yêu cầu đối với tàu thuyền neo đậu**

1. Khi cần thay đổi vị trí neo đã được chỉ định, thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Trung tâm VTS biết rõ lý do và chỉ khi có sự chấp thuận mới được tiến hành điều động tàu đến vị trí neo mới theo chỉ định, trừ trường hợp để tránh một nguy cơ đâm va trước mắt.

2. Cấm thả neo trong phạm vi luồng, vũng quay trở tàu (trừ trường hợp thả neo để quay trở), khu vực bến phà, bến khách ngang sông, công trình ngầm, phía dưới đường dây điện cao thế, cầu qua sông, gần báo hiệu hàng hải hay tại khu vực hạn chế khác, trừ trường hợp bất khả kháng hay để tránh một nguy cơ đâm va trước mắt. Trong trường hợp này, không miễn trừ trách nhiệm của thuyền trưởng nếu làm phát sinh thiệt hại về người, tài sản, môi trường do việc thả neo gây ra.

**Điều 12. Cập cầu, cập mạn của tàu thuyền**

1. Tàu biển cập mạn:

a) Tàu biển cập mạn nhau phải được Cảng vụ hàng hải chấp thuận theo quy định tại Điều 68, khoản 1 Điều 115 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP thông qua việc cấp Lệnh điều động.

b) Tàu công vụ, tàu hoa tiêu được cập mạn tàu thuyền khác để thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

c) Tàu biển cập mạn nhau phải có sự thỏa thuận của hai thuyền trưởng và áp dụng biện pháp bảo đảm an toàn khi cập mạn.

2. Phương tiện thủy nội địa cập mạn thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định dưới đây:

a) Phương tiện thủy nội địa cập mạn tàu biển, cập cầu cảng để xếp, dỡ hàng hóa, vận chuyển, chuyển tải hành khách hoặc cung ứng dịch vụ theo sự chấp thuận của Cảng vụ hàng hải tại Giấy phép vào, rời cảng, bến hoặc Lệnh điều động.

b) Khi cập mạn tàu thuyền để chuyển tải hành khách sang mạn tàu, phương tiện thủy nội địa chỉ được đậu một hàng đối với phương tiện có sức chở từ 20 khách trở lên và không quá hai hàng đối với phương tiện có sức chở dưới 20 khách.

c) Khi cập mạn tàu thuyền khác đang đậu tại cầu để cấp nhiên liệu, chuyển tải xăng dầu hay loại hàng nguy hiểm khác, phương tiện thủy nội địa chỉ được cập một hàng.

**Điều 13.** **Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách, du thuyền**

1. Phương tiện chở khách cắt ngang tuyến luồng hàng hải phải hành trình theo đúng tuyến quy định và trong mọi trường hợp phải nhường đường biển hành trình trong luồng hàng hải.

2. Trước khi khởi hành, phương tiện chở khách phải hướng dẫn, cung cấp cho hành khách biết thông tin về nội quy đi tàu; vị trí và cách sử dụng trang thiết bị cứu sinh; lối đi và biện pháp thoát hiểm trong trường hợp xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải.

3. Hàng năm, phương tiện chở khách phải xây dựng kế hoạch và tổ chức thực tập, huấn luyện thuyền bộ và nhân viên phục vụ làm việc trên tàu kiến thức, kỹ năng về công tác cứu sinh, cứu hỏa, sơ cứu, quản lý đám đông nhằm ứng phó kịp thời, hiệu quả khi có tình huống khẩn cấp xảy ra.

4.Chậm nhấttrước ngày cuối cùng của tháng, chủ phương tiện thủy nội địa hành trình thường xuyên theo tuyến định sẵn như: tàu khách, tàu nhà hàng - du lịch, tàu chở khách du lịch và phương tiện thủy chở khách khác hoạt động trong vùng nước cảng biển cắt ngang tuyến luồng hàng hải phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải biết lịch trình hoạt động tháng tiếp theo của phương tiện thuộc quyền quản lý khai thác của mình; trường hợp có sự thay đổi, phải kịp thời thông báo nội dung điều chỉnh lịch trình đó. Lịch trình gồm nội dung: tên tàu, loại tàu, chiều dài, thời gian và tuyến hoạt động.

5. Thuyền trưởng của phương tiện quy định tại khoản 4 Điều này có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải biết khi có thay đổi đột xuất về giờ bắt đầu hành trình và sự cố bất thường khác liên quan đến thực hiện lịch trình của phương tiện.

6. Đèn trang trí (nếu có) trên phương tiện thủy nội địa quy định tại khoản 4 Điều này phải được thiết kế và sử dụng để không thể nhầm lẫn hoặc làm ảnh hưởng tới tầm chiếu sáng hay khả năng phát hiện từ xa của bất cứ đèn và dấu hiệu hàng hải nào khác được trang bị trên tàu thuyền theo quy định.

7. Tàu nhà hàng du lịch phải gửi danh sách hành khách cho Cảng vụ hàng hải và thông báo điều động bằng VHF hoặc điện thoại cho bộ phận trực ban VTS trước khi hành trình.

8. Chủ phương tiện thủy nội địa dùng vào mục đích thể thao phải thực hiện theo quy định tại Điều 109 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

**Điều 14. Hoạt động của tàu thuyền trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo**

1. Tàu thuyền hoạt động trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo: Đà Nẵng - Hoàng Sa, Đà Nẵng - Lý Sơn và tuyến khác được công bố tại Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30/7/2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, Thông tư số 24/2022/TT-BGTVT ngày 13/10/2022 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.

2. Tàu thuyền hoạt động trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo phải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30/7/2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, Thông tư số 24/2022/TT-BGTVT ngày 13/10/2022 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam và quy định pháp luật khác có liên quan, chủ tàu khách hoạt động trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo tại cảng biển Đà Nẵng và ngược lại có trách nhiệm như sau:

a) Tổ chức trực, theo dõi, kiểm tra, giám sát (tại đầu bến Đà Nẵng) hoạt động của tàu khách kể từ thời điểm tàu bắt đầu tiếp nhận hành khách lên tàu đến khi toàn bộ hành khách rời tàu an toàn ở cảng cuối cùng của hành trình.

b) Tổ chức khai thác tàu chạy trên tuyến trong điều kiện khí tượng thủy văn phù hợp và theo lịch chạy tàu trên tuyến được đăng ký với cơ quan chức năng.

**Điều 15. Hoạt động xây dựng, thi công kết cấu hạ tầng cảng biển và công trình trong vùng nước cảng biển**

1. Định kỳ hàng tháng, chủ đầu tư, đơn vị thi công, đơn vị thực hiện Phương án bảo đảm an toàn hàng hải, Phương án bảo đảm an toàn giao thông phải báo cáo Cảng vụ hàng hải tiến độ thi công, công tác giám sát thi công của chủ đầu tư, công tác triển khai phương án được phê duyệt và nội dung cần thiết khác theo yêu cầu trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng.

2. Phương tiện vận chuyển chất nạo vét thực hiện báo cáo hành trình cho Bộ phận Trực ban và Điều phối giao thông hàng hải (VTS) trên kênh VHF 16 hoặc điện thoại 0236.3823172 hoặc 0888571227 tại thời điểm:

a) Bắt đầu và kết thúc tiếp nhận sản phẩm nạo vét tại khu vực thi công.

b) Bắt đầu di chuyển từ vị trí thi công đến bãi đổ hoặc ngược lại.

c) Trong trường hợp phương tiện neo đậu chờ nước hoặc có sự cố.

**Mục 4
DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI**

**Điều 16. Yêu cầu đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải**

Dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Chương XI Bộ luật hàng hải Việt Nam, Mục 6 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 17. Lập kế hoạch, thông báo, xác báo kế hoạch dẫn tàu**

1. Tổ chức hoa tiêu có trách nhiệm lập và gửi kế hoạch dẫn tàu hàng ngày theo quy định tại Điều 103 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Chậm nhất 08 giờ 30 phút hàng ngày, tổ chức hoa tiêu hàng hải phải xác báo bằng văn bản cho Cảng vụ hàng hải về kế hoạch bố trí hoa tiêu dẫn tàu quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 18. Yêu cầu khi đón, trả hoa tiêu**

1. Tàu thuyền khi đến gần tàu hoa tiêu để đón hoặc trả hoa tiêu phải giảm tốc độ đến mức thấp nhất đủ để ăn lái, giữ liên lạc với hoa tiêu trên kênh VHF được chỉ định và bố trí thang hoa tiêu ở mạn dưới gió hoặc theo yêu cầu của hoa tiêu để hoa tiêu lên, rời tàu an toàn.

2. Cầu thang hoa tiêu phải bảo đảm an toàn theo quy định, được chiếu sáng vào ban đêm, bố trí người trực và trang bị thiết bị cứu sinh theo quy định.

**Điều 19. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu**

1. Hoa tiêu dẫn tàu có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 251 Bộ luật hàng hải Việt Nam, Điều 104, Điều 105 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, hoa tiêu hàng hải có trách nhiệm thực hiện nội dung được quy định tại Quy chế VTS.

**Điều 20. Trách nhiệm, nghĩa vụ của thuyền trưởng khi tự dẫn tàu**

Trong trường hợp được phép tự dẫn tàu theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, chậm nhất 02 giờ trước khi điều động, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải về việc tự dẫn tàu và xuất trình Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải.

**Điều 21. Trách nhiệm phối hợp giữa hoa tiêu, thuyền trưởng, tàu lai dắt hỗ trợ và doanh nghiệp cảng**

Trước khi điều động, dẫn tàu vào, rời cầu cảng, bến phao, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu phải liên lạc với thuyền trưởng tàu lai (đối với tàu sử dụng tàu lai hỗ trợ) và doanh nghiệp cảng, bến phao để kiểm tra tính sẵn sàng của tàu lai, cầu cảng, bến phao. Trong trường hợp tàu lai, cầu cảng, bến phao, công nhân buộc cởi dâychưa sẵn sàng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải để có biện pháp xử lý kịp thời.

**Mục 5**

**LAI DẮT HỖ TRỢ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN**

**Điều 22. Sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ**

1. Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 mét trở lên khi điều động vào hoặc rời cầu cảng, quay trở, di chuyển vị trí trong vùng nước cảng biển phải sử dụng tàu lai theo quy định dưới đây:

a) Tàu thuyền vào bến cảng Tiên Sa:

- Đối với cầu cảng Tiên Sa 1A, Tiên Sa 3, Tiên Sa 4, Tiên Sa 5:

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80m đến 100m: sử dụng ít nhất một tàu lai với công suất tối thiểu 1000 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 100m đến 120m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 1800 mã lực; trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 1000 mã lực và 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 120m đến 140m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 2.000 mã lực; trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 1.200 mã lực và 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 140m đến 170m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 2.500 mã lực; trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 1.700 mã lực và 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 170m đến 200m: sử dụng ít nhất ba tàu lai với tổng công suất tối thiểu 4.000 mã lực; trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 2.000 mã lực, 1.200 mã lực và 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 200m: sử dụng ít nhất ba tàu lai với tổng công suất tối thiểu 5.500 mã lực; trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 2.800 mã lực, 1.700 mã lực và 1000 mã lực.

- Đối với cầu cảng Tiên Sa 1B, Tiên Sa 2A:

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80m đến 100m: sử dụng ít nhất một tàu lai với công suất tối thiểu 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 100m đến 120m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với công suất tối thiểu 1600 mã lực, trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 120m đến 140m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 1800 mã lực; trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 1000 mã lực và 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 140m đến 170m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 2000 mã lực; trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 1200 mã lực và 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 170m đến 250m: sử dụng ít nhất ba tàu lai với tổng công suất tối thiểu 3300 mã lực; trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 1700 mã lực và hai tàu lai, mỗi tàu có công suất tối thiểu 800 mã lực.

- Đối với Tiên Sa 2B:

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80m đến 100m: sử dụng ít nhất một tàu lai với công suất tối thiểu 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 100m đến 140m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với công suất tối thiểu 1600 mã lực, trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 140m đến 170m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 1800 mã lực; trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 1000 mã lực và 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 170m đến 250m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 3000 mã lực; trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 2000 mã lực và 1000 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 250m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 4200 mã lực; trong đó một tàu lai có công suất tối thiểu 2800 mã lực và một tàu lai có công suất tối thiểu 1400 mã lực.

b) Tàu thuyền rời bến cảng Tiên Sa:

- Đối với cầu cảng Tiên Sa 1A, Tiên Sa 3, Tiên Sa 4, Tiên Sa 5:

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80m đến 100m: sử dụng ít nhất một tàu lai với công suất tối thiểu 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 100m đến 120m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với công suất tối thiểu 1600 mã lực, trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 120m đến 140m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 1800 mã lực; trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 1000 mã lực và 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 140m đến 170m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 2000 mã lực; trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 1200 mã lực và 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 170m đến 200m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 3200 mã lực; trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 2000 mã lực và 1200 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 200m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 4500 mã lực; trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 2800 mã lực và 1700 mã lực.

- Đối với cầu cảng Tiên Sa 1B, Tiên Sa 2A:

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80m đến 100m: sử dụng ít nhất một tàu lai với công suất tối thiểu 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 100m đến 120m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với công suất tối thiểu 1600 mã lực, trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 120m đến 140m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với công suất tối thiểu 1600 mã lực, trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 140m đến 170m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 1800 mã lực; trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 1000 mã lực và 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 170m đến 250m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 2500 mã lực; trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 1700 mã lực và 800 mã lực.

- Đối với Tiên Sa 2B:

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80m đến 100m: sử dụng ít nhất một tàu lai với công suất tối thiểu 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 100m đến 170m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với công suất tối thiểu 1600 mã lực, trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 170m đến 250m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 2500 mã lực; trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 1700 mã lực và 800 mã lực.

+ Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 250m: sử dụng ít nhất ba tàu lai với tổng công suất tối thiểu 2900 mã lực; trong đó hai tàu lai có công suất tối thiểu 1200 mã lực và một tàu lai có công suất tối thiểu 1700 mã lực.

2. Tàu thuyền vào, rời cầu cảng, bến phao tại khu vực Liên Chiểu và Thọ Quang:

Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất 80m đến 120m: sử dụng ít nhất một tàu lai với công suất tối thiểu 800 mã lực.

3. Tàu thuyền vào, rời bến phao Mỹ Khê:

a) Tàu thuyền vào bến phao Mỹ Khê:

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất 80m đến 110m: sử dụng ít nhất một tàu lai với công suất tối thiểu 800 mã lực.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 110m đến 140m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với công suất tối thiểu 1600 mã lực, trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu 800 mã lực.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 140m đến 170m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 2.000 mã lực, trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu theo thứ tự 1.200 mã lực và 800 mã lực.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 170m: sử dụng ít nhất hai tàu lai với tổng công suất tối thiểu 2.900 mã lực, trong đó mỗi tàu lai có công suất tối thiểu theo thứ tự 1.700 mã lực và 1.200 mã lực.

b) Tàu thuyền rời bến phao Mỹ Khê:

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất 80m đến 140m: sử dụng ít nhất một tàu lai với công suất tối thiểu 800 mã lực.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 140m đến 170m: sử dụng ít nhất một tàu lai với công suất tối thiểu 1.200 mã lực.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 170m: sử dụng ít nhất một tàu lai với công suất tối thiểu 1.700 mã lực.

4. Trong điều kiện hành hải không bình thường, Giám đốc Cảng vụ hàng hải quy định cụ thể số lượng và công suất tàu lai hỗ trợ tàu thuyền khi điều động vào, rời cầu cảng, bến phao trên cơ sở tham khảo ý kiến của thuyền trưởng và tổ chức hoa tiêu hàng hải.

**Điều 23. Miễn, giảm tàu lai dắt hỗ trợ**

Đối với tàu thuyền có thiết bị hỗ trợ điều động, Giám đốc Cảng vụ hàng hải sẽ xem xét giảm số lượng tàu lai hỗ trợ trên cơ sở tính năng của thiết bị hỗ trợ, đề nghị bằng văn bản của thuyền trưởng, khuyến nghị bằng văn bản của tổ chức hoa tiêu dẫn tàu và điều kiện thực tế khác.

**Điều 24. Trách nhiệm của thuyền trưởng, hoa tiêu tàu được lai dắt hoặc người chỉ huy đoàn lai dắt và thuyền trưởng tàu lai dắt**

1. Thuyền trưởng hoặc hoa tiêu tàu được lai dắt có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải về việc cung cấp tàu lai chậm trễ, không đủ số lượng hoặc công suất theo quy định.

2. Cấm lai kéo, lai đẩy hay lai áp mạn hàng đôi (02 tàu thuyền bị lai) trong khu vực từ ngã ba mũi Đèn Đỏ đến rạch Bến Nghé.

3. Hoa tiêu được bố trí dẫn đoàn lai phải có hạng phù hợp với chiều dài đoàn lai bao gồm cả chiều dài dây lai.

4. Thuyền trưởng đoàn lai khi đến cảng có trách nhiệm khai báo chiều dài dây lai để việc bố trí hoa tiêu với hạng phù hợp.

**Mục 6**

**AN TOÀN HÀNG HẢI**

**Điều 25. Yêu cầu chung về bảo đảm an toàn hàng hải**

1. Tàu thuyền khi hoạt động tại vùng nước cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Mục 1, Chương V Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau:

a) Tàu thuyền neo đậu, cập cầu, cập mạn trong vùng nước cảng biển phải bảo đảm an toàn theo quy định.

b) Trong thời gian hành trình trên luồng hàng hải, điều động cập, rời cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, tàu thuyền phải sử dụng máy tàu phù hợp, tránh làm ảnh hưởng đến công trình và tàu thuyền khác.

c) Tàu thuyền trong quá trình neo buộc tại bến phao trong vùng nước cảng biển bảo đảm dây buộc tàu tại mỗi đầu mũi, lái tàu và duy trì trực ca để điều chỉnh cho dây luôn trong tình trạng căng đều.

2. Bảo đảm an toàn cho tàu thuyền khi điều động quay trở:

a) Tàu thuyền không được phép vượt qua hay điều động vào vũng quay trở khi ở đó đang có tàu biển quay trở và nếu hành động đó làm ảnh hưởng tới quá trình quay trở của tàu biển.

b) Tàu thuyền trước, trong khi quay trở phải tăng cường cảnh giới và sử dụng phương tiện thông tin phù hợp để cảnh báo cho tàu thuyền khác đang đến gần biết về tình trạng hiện tại cũng như dự kiến điều động của tàu mình ngay từ khi những tàu thuyền đó còn ở khoảng cách an toàn.

c) Vị trí, thông số kỹ thuật vùng quay trở theo Phụ lục kèm theo Nội quy này.

d) Khi điều kiện thực tế cho phép, tàu thuyền có thể điều động quay trở tại khu vực thủy diện để vào, rời cầu cảng, bến phao hoặc cập mạn tàu khác nếu bảo đảm an toàn và không ảnh hưởng tới hành trình, neo đậu của tàu thuyền khác.

**Điều 26. Phương án bảo đảm an toàn hàng hải**

Ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm trình Cảng vụ hàng hải xem xét, chấp thuận Phương án bảo đảm an toàn hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển trong trường hợp sau:

1. Hành trình của đoàn tàu lai kéo có chiều dài đoàn lai tính từ mũi tàu lai đến điểm cuối cùng của đoàn lai vượt quá 200m.

2. Khi tiến hành diễn tập tìm kiếm, cứu nạn, phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố ô nhiễm tràn dầu, an ninh hàng hải hoặc tổ chức thi đấu, biểu diễn thể thao, văn hóa ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải tại khu vực.

3. Khi tổ chức lai dắt, cứu hộ tàu biển bị tai nạn, sự cố hàng hải có nguy cơ gây mất an toàn hàng hải.

4. Vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc sửa chữa, thay thế báo hiệu hàng hải có nguy cơ gây mất an toàn hàng hải.

**Điều 27. Phân luồng giao thông trong vùng nước cảng biển**

Trên cơ sở đề xuất của thuyền trưởng và tổ chức hoa tiêu, Giám đốc Cảng vụ hàng hải sẽ xem xét, quyết định cho phép hành trình không theo tuyến luồng hàng hải để bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong trường hợp sau:

1. Tàu biển, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB có sử dụng hoa tiêu hàng hải không thể hành trình theo tuyến luồng hàng hải quy định do yếu tố kỹ thuật như mớn nước, tính năng điều động.

2. Mật độ tàu thuyền lưu thông lớn hoặc vì lý do khẩn cấp: điều kiện thời tiết bất thường, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống thiên tai.

**Điều 28. Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn**

Tổ chức, cá nhân hoạt động tại vùng nước cảng biển có trách nhiệm thực hiện quy định về phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và yêu cầu sau đây:

1. Tiếp nhận và chuyển phát kịp thời thông tin báo nạn đến Cảng vụ hàng hải hoặc các cơ quan liên quan, tiến hành ngay biện pháp cần thiết để giảm thiểu thiệt hại có thể xảy ra.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ hàng hải về tham gia phối hợp tìm kiếm cứu nạn trong vùng nước cảng biển.

3. Không được sử dụng trang thiết bị thông tin liên lạc trên tàu hoặc trang thiết bị, vật dụng khác để phát tín hiệu cấp cứu giả. Trường hợp do sơ suất trong quá trình sử dụng trang thiết bị phát tín hiệu cấp cứu giả như EPIRB, MF/HF, VHF, thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải và kịp thời áp dụng biện pháp phù hợp để thông báo hủy bỏ tín hiệu cấp cứu giả đã phát.

**Điều 29. Xử lý tai nạn hàng hải và sự cố hàng hải**

Khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng hải trong vùng nước cảng biển, thuyền trưởng, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm:

1. Áp dụng biện pháp bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và tổ chức công tác tìm kiếm, cứu nạn nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải hoặc bộ phận trực ban VTS, đồng thời phải tiến hành ngay biện pháp để giảm đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra và hỗ trợ tàu bị nạn nếu việc đó không ảnh hưởng đến an toàn của tàu mình.

3. Gửi cho Cảng vụ hàng hải báo cáo tai nạn hàng hải, sự cố hàng hải theo quy định.

**Điều 30. Phòng, chống cháy, nổ**

1. Thuyền trưởng, doanh nghiệp và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quy định về phòng chống cháy, nổ tại vùng nước cảng biển theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tàu thuyền chỉ được tiến hành chuyển tải xăng, dầu hoặc hàng hóa nguy hiểm khác tại những vị trí theo chỉ định cụ thể của Giám đốc Cảng vụ. Việc chuyển tải xăng, dầu theo quy định tại khoản này chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ yêu cầu về an toàn hàng hải, bảo vệ môi trường và phòng, chống cháy, nổ theo quy định.

3. Khi xảy ra sự cố cháy nổ trong vùng nước cảng biển, thuyền trưởng và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện việc ứng cứu kịp thời và thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải biết, phối hợp xử lý.

**Mục 7
AN NINH HÀNG HẢI, LAO ĐỘNG HÀNG HẢI**

**Điều 31. Bảo đảm an ninh hàng hải**

1. Tất cả tàu thuyền và doanh nghiệp cảng biển phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (ISPS Code), Kế hoạch an ninh tàu biển và cảng biển được cấp thẩm quyền phê duyệt và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Cấp độ an ninh cảng biển được thông báo bằng văn bản hoặc cập nhật tại trang thông tin điện tử: http://www.cangvuhanghaidanang.gov.vn.

**Điều 32. Lao động hàng hải**

Tàu biển và doanh nghiệp vận tải biển phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Công ước Lao động hàng hải năm 2006, Nghị định số 121/2014/NĐ-CP ngày 24/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Công ước lao động hàng hải năm 2006 về chế độ lao động của thuyền viên làm việc trên tàu biển và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Mục 8
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Điều 33. Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ hoạt động của tàu thuyền, bảo vệ môi trường tại cảng biển**

1. Thuyền trưởng, doanh nghiệp và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định tại Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là quốc gia thành viên, Bộ Luật hàng hải Việt Nam, Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan phải thực hiện ngay việc ứng cứu sự cố ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ hàng hải và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
3. Chất thải thu gom từ hoạt động đóng tàu, sửa chữa tàu (hạt nix, cát thải) phải được thu gom tập trung tại bãi thải hoặc kho chứa phù hợp, có thiết bị che chắn nhằm tránh thẩm thấu khuếch tán vào môi trường không khí, đất, nước.
4. Doanh nghiệp cảng biển, bến phao có trách nhiệm gửi Cảng vụ hàng hải Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ (sau khi gửi cơ quan có thẩm quyền).

**Điều 34. Quản lý nước dằn tàu, thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền**

1. Tàu thuyền lưu lại ở vùng nước cảng biển trong khoảng thời gian quá 15 ngày bắt buộc phải thanh thải và xử lý nước bẩn, nước lẫn cặn dầu và chất thải độc hại khác, trừ tàu thuyền đang sửa chữa trong xưởng và tàu thuyền mà máy chính và máy đèn đều không hoạt động.
2. Rác sinh hoạt trên tàu biển phải được đựng trong thùng chứa chuyên dụng để thu gom. Việc thu gom phải được tiến hành hàng ngày đối với tàu khách, 02 ngày một lần đối với tàu hàng, trừ trường hợp có sử dụng lò đốt rác chuyên dùng trên tàu và 04 ngày đối với phương tiện thủy nội địa hoạt động tại vùng nước cảng biển.
3. Chất thải thông thường trộn lẫn với chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý như chất thải nguy hại.
4. Các doanh nghiệp khai thác cảng biển, vận tải biển, đại lý hàng hải và doanh nghiệp thu gom chất thải phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong công tác quản lý giám sát, thống kê.

**Điều 35*.* Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

Thuyền trưởng, doanh nghiệp cảng và doanh nghiệp hoạt động hàng hải tại cảng biển có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh quy định liên quan tại Điều 118, Điều 119 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu và văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

**Mục 9
TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP HOẠT
ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI**

**Điều 36. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải**

Dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Chương XI Bộ luật hàng hải Việt Nam, Mục 6 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, quy định pháp luật khác có liên quan và yêu cầu sau đây:

1. Tổ chức hoa tiêu hàng hải có trách nhiệm bố trí hoa tiêu hàng hải dẫn tàu theo Kế hoạch điều động tàu thuyền do Cảng vụ hàng hải lập.

2. Tổ chức hoa tiêu hàng hải có trách nhiệm thông báo kịp thời cho hoa tiêu được phân công dẫn tàu về Kế hoạch điều động tàu thuyền của Cảng vụ hàng hải cung cấp và những thay đổi nếu có.

3. Tổ chức hoa tiêu hàng hải phải cập nhật và thông báo cho hoa tiêu dẫn tàu thông số kỹ thuật về bến cảng, bến phao, khu vực neo đậu, vùng quay trở, độ sâu tuyến luồng cũng như yêu cầu kỹ thuật khi cập và rời cầu cảng, bến phao.

**Điều 37. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng, bến phao, doanh nghiệp hoạt động bốc xếp tại khu vực neo đậu**

1. Doanh nghiệp cảng, bến phao phải đáp ứng, duy trì đầy đủ quy định về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển và quy định pháp luật khác có liên quan trong thời gian kinh doanh khai thác cảng biển.

2. Doanh nghiệp cảng, bến phao có trách nhiệm thực hiện quy định có liên quan của pháp luật và yêu cầu sau đây:

a) Trước khi tiến hành xây dựng cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải, khu nước, vùng nước, chủ đầu tư gửi Cảng vụ hàng hải và đơn vị có liên quan của pháp luật bản sao chụp quyết định đầu tư xây dựng công trình, bản sao chụp quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình và bản sao chụp hồ sơ thiết kế để tổ chức kiểm tra, giám sát theo quy định.

b) Sau khi hoàn thành thủ tục và được cấp thẩm quyền công bố mở cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao hoặc khu nước, vùng nước, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi Cảng vụ hàng hải giấy tờ liên quan theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP để tổ chức quản lý theo quy định.

c) Định kỳ trước ngày 31/3 hàng năm, báo cáo Cảng vụ hàng hải về điều kiện khai thác cảng (điều kiện khí tượng, thủy văn và yêu cầu hạn chế khác) và công bố cho chủ tàu và bên liên quan biết.

d) Thông báo cho thuyền trưởng, đại lý tàu về thông số kỹ thuật của cầu cảng, bến phao và yêu cầu kỹ thuật trong quá trình cập rời cầu, bến phao ngay khi đồng ý tiếp nhận tàu thuyền vào bến cảng, bến phao.

đ) Trong thời gian điều động tàu cập, rời cầu cảng và trong thời gian không có tàu cập cầu, cần cẩu bờ không được đưa ra vùng nước trước cầu cảng. Trường hợp cần cẩu phải đưa ra ngoài do nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, doanh nghiệp cảng phải thông báo bằng văn bản và chỉ tiến hành khi được Cảng vụ hàng hải chấp thuận; đồng thời, phải áp dụng biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm an toàn theo quy định.

e) Đối với tàu thuyền phải áp dụng thêm biện pháp hỗ trợ theo Phương án bảo đảm an toàn khi vào, rời cầu cảng, bến phao, doanh nghiệp cảng có trách nhiệm thông báo cho thuyền trưởng, đại lý biện pháp hỗ trợ bổ sung ngay khi đồng ý tiếp nhận.

**Điều 38. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển**

1. Cung cấp thông tin, tài liệu và đề nghị thuyền trưởng nghiên cứu, chấp hành nghiêm chỉnh Nội quy cảng biển, văn bản chỉ đạo, điều hành của Cảng vụ hàng hải và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ động liên hệ với Cảng vụ hàng hải và cơ quan chức năng để được cung cấp thông tin liên quan về điều kiện hành hải, khí tượng, thủy văn, địa chất tại vùng nước cảng biển và khuyến cáo về an toàn đối với thuyền trưởng.

3. Chỉ được thực hiện chức năng dịch vụ đại lý tàu biển trong phạm vi công việc được chủ tàu ủy thác, phù hợp với điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Khi bố trí mới, thuyên chuyển hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đại lý viên hoặc thay đổi địa chỉ trụ sở, doanh nghiệp chủ quản phải thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ hàng hải và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng.

5. Thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cảng vụ hàng hải và cơ quan chức năng.

6. Trước khi tàu đến cảng, đại lý phải cung cấp cho Cảng vụ hàng hải thư chỉ định hoặc văn bản uỷ thác hoặc hợp đồng làm đại lý.

**Điều 39. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển**

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển thực hiện theo quy định tại Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải biển và điều kiện kinh doanh lai dắt tàu biển, kinh doanh đại lý tàu biển tại Việt Nam, Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 40. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt hỗ trợ**

1. Định kỳ hàng tháng (trước ngày 5 của tháng kế tiếp), báo cáo Cảng vụ hàng hải tình hình hoạt động của tàu lai dắt hỗ trợ do doanh nghiệp mình quản lý hoạt động trong vùng nước cảng biển.

2. Chậm nhất 16 giờ 30 phút hàng ngày, thông báo về kế hoạch lai dắt hỗ trợ của ngày kế tiếp cho Cảng vụ hàng hải (nội dung thông báo gồm: tên tàu lai; công suất; tên tàu được lai; thời gian dự kiến lai dắt hỗ trợ). Trường hợp có thay đổi, phải kịp thời thông báo bổ sung chậm nhất 02 giờ sau khi nhận được yêu cầu cung cấp, hủy bỏ hoặc thay đổi dịch vụ bằng phương thức thông tin phù hợp.

3. Cung cấp dịch vụ tàu lai hỗ trợ tàu vào, rời cầu cảng, bến phao hoặc quay trở, di chuyển vị trí trong vùng nước trước bến cảng phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định tại Nội quy cảng biển về công suất, số lượng tàu lai.

4. Thuyền trưởng hoặc hoa tiêu tàu được lai dắt có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải về việc cung cấp tàu lai chậm trễ, thay đổi số lượng hoặc công suất theo quy định.

**Điều 41. Trách nhiệm của cơ sở đóng mới, sửa chữa và phá dỡ tàu thuyền**

1. Chậm nhất 08 giờ, trước khi tiến hành hạ thuỷ tàu, đưa tàu lên đà, di chuyển tàu hoặc tiếp nhận tàu vào sửa chữa, cơ sở đóng mới, sửa chữa và phá dỡ tàu thuyền phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải qua Fax, thư điện tử hoặc gửi trực tiếp; trường hợp thay đổi phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải và các bên liên quan biết để điều chỉnh phù hợp.

2. Ngoài quy định nêu trên, cơ sở đóng mới, sửa chữa và phá dỡ tàu thuyền có cầu cảng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nội quy này.

**Điều 42. Trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển**

Doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển và quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải và công bố thông báo hàng hải**

1. Bảo đảm báo hiệu hàng hải thuộc trách nhiệm quản lý, vận hành đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và phù hợp với nội dung của thông báo hàng hải đã công bố.

2. Khi báo hiệu hàng hải bị hư hỏng, mất, không hoạt động theo đặc tính được quy định hoặc sai lệch vị trí phải khẩn trương tiến hành sửa chữa, khắc phục kịp thời.

3. Kịp thời thông báo cho Cảng vụ hàng hải:

a) Khi phát hiện có chướng ngại vật trên luồng; báo hiệu hàng hải bị hư hỏng, mất, không hoạt động theo đặc tính được quy định hoặc sai lệch vị trí.

b) Trước và sau khi sửa chữa, khắc phục hư hỏng, mất hoặc sai lệch vị trí báo hiệu hàng hải.

4. Định kỳ hàng quý (trước ngày 25 tháng cuối quý), báo cáo Cảng vụ tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải thuộc trách nhiệm quản lý.

**Điều 44. Trách nhiệm của doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo**

1. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển, Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30/7/2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, Thông tư số 24/2022/TT-BGTVT ngày 13/10/2022 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Kịp thời tổng hợp, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về hàng hải theo yêu cầu của Cảng vụ hàng hải.

**Mục 10
CÔNG TÁC PHỐI HỢP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI**

**Điều 45. Phối hợp hoạt động giữa các Cảng vụ hàng hải**

1. Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng thực hiện công tác phối hợp với các Cảng vụ hàng hải có vùng nước tiếp giáp theo quy định tại Thông tư công bố.

2. Định kỳ, các Cảng vụ hàng hải tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện Quy chế. Khi có vụ việc đột xuất cần trao đổi, rút kinh nghiệm hoặc có vấn đề phát sinh ngoài Quy chế, Giám đốc các Cảng vụ hàng hải trao đổi, thống nhất biện pháp xử lý.

**Điều 46. Phối hợp giữa Cảng vụ hàng hải với cơ quan quản lý nhà nước khác**

1. Xây dựng Quy chế phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị liên quan khác để thực hiện theo quy định.

2. Cảng vụ hàng hải và cơ quan quản lý nhà nước khác định kỳ tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện Quy chế nêu trên.

**Mục 11
NỘI DUNG LIÊN QUAN KHÁC**

**Điều 47. Hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm cứu nạn, hoạt động diễn tập quân sự**

1. Việc tổ chức cuộc thi đấu thể thao trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định của pháp luật, trước khi tiến hành phải thông báo và thực hiện theo chỉ dẫn của Cảng vụ hàng hải.

2. Chủ phương tiện thủy nội địa dùng vào mục đích thể thao phải thực hiện theo quy định tại Điều 109 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Hoạt động vui chơi giải trí dưới nước chỉ được phép thực hiện tại khu vực được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

**Điều 48. Kiểm dịch y tế, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật, phòng chống dịch bệnh**

1. Thuyền trưởng tàu thuyền có trách nhiệm:

a) Thông báo cho cơ quan Kiểm dịch y tế biết về tình trạng bất thường đối với sức khỏe của thuyền viên, hành khách và yếu tố khác liên quan đến sức khỏe cộng đồng theo quy định;

b) Thông báo cho cơ quan Kiểm dịch thực vật, cơ quan thú y về những hàng hóa nông, lâm sản, thực phẩm, xuất nhập khẩu phải tiến hành kiểm dịch theo quy định.

2. Việc tiến hành xử lý y tế, cách ly giám sát dịch bệnh, khử trùng được tiến hành trong vùng kiểm dịch theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng hoặc vị trí khác do Giám đốc Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng chỉ định trên cơ sở ý kiến của cơ quan chuyên môn; việc thực hiện phải bảo đảm theo đúng quy trình chuyên môn theo quy định.

3. Chất lượng nước ăn, nước sinh hoạt và thực phẩm cung ứng cho tàu phải được cơ quan Kiểm dịch y tế kiểm tra, giám sát theo quy định.

**Phụ lục**

Ban hành kèm theo Nội quy cảng biển Đà Nẵng

Phụ lục 1. Thông tin chung về cảng biển

Phụ lục 2. Bản vẽ và giới hạn phạm vi vùng nước cảng biển

Phụ lục 3. Hướng dẫn hoạt động và điều kiện hành hải khu vực cảng biển

Phụ lục 4. Thông tin về cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển

Phụ lục 5. Mẫu biểu liên quan kèm theo

Phụ lục 6. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật có liên quan